

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

---

**QUY ĐỊNH**  
**HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5765/QĐ-ĐHCNGTVT,  
Ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)*

**HÀ NỘI, NĂM 2021**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định về hoạt động Khoa học và Công nghệ**  
**của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*Căn cứ Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ về việc Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;*

*Quyết định số 2128/QĐ-BGTVT ngày 03/10/2018 của Bộ GTVT về việc ban hành Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-HĐT ngày 16/10/2020 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ tình hình thực tiễn trong công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;*

*Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng Khoa học Đào tạo Trường và Trường phòng Khoa học công nghệ & Hợp tác quốc tế.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải”.

**Điều 2.** Quy định này được áp dụng kể từ năm học 2021 - 2022. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Giám đốc Phân hiệu, giám đốc các cơ sở đào tạo; trưởng các phòng chức năng, trưởng các khoa, viện, trung tâm và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Đảng ủy (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Hội đồng KH-ĐT trường;
- Các PHT (để chỉ đạo);
- Lưu VT, KHCN-HTQT.



**PHỤ TRƯỞNG**

*[Signature]*  
**PGS.TS. Nguyễn Hoàng Long**

**QUY ĐỊNH**  
**HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5765/QĐ-ĐHCNGTVT, ngày 22/12/2021 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

---

**Chương 1**  
**CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định các hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trong Trường Đại học Công nghệ GTVT, bao gồm:

- Định hướng phát triển và kế hoạch KH&CN;
- Thực hiện kế hoạch KH&CN;
- Quản lý hoạt động KH&CN;
- Khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng đối với cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, người học trong Trường Đại học Công nghệ GTVT và các tổ chức, cá nhân bên ngoài tham gia hoạt động KH&CN trong Trường.

**Điều 2. Vị trí, vai trò của hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Hoạt động KH&CN là một trong các nhiệm vụ chính của Trường Đại học Công nghệ GTVT.

2. Hoạt động KH&CN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Trường Đại học Công nghệ GTVT, góp phần thúc đẩy phát triển ngành GTVT và kinh tế - xã hội của đất nước.

**Điều 3. Mục tiêu hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Hoạt động KH&CN nhằm tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp, sản phẩm mới, góp phần hình thành và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học (NCKH) cho cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên, người học và nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Ứng dụng tri thức, công nghệ mới và tạo ra phương thức, giải pháp mới phục vụ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước, phục vụ cộng đồng xã hội và góp phần tạo cơ sở cho hợp tác quốc tế về KH&CN.

3. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; phát triển tiềm lực KH&CN của đất nước, đóng góp và phát triển kho tàng tri thức, công nghệ của nhân loại.

#### **Điều 4. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Xây dựng định hướng phát triển KH&CN cho từng giai đoạn và kế hoạch KH&CN cho từng năm.
2. Đề xuất, tham gia tuyển chọn, triển khai thực hiện và tổ chức quản lý nhiệm vụ KH&CN các cấp, các lĩnh vực nghiên cứu.
3. Hỗ trợ đăng ký và bảo vệ sở hữu trí tuệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
4. Ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ cộng đồng xã hội; xây dựng các vườn ươm công nghệ, gắn phát triển công nghệ với tạo sản phẩm mới có khả năng thương mại cao; thực hiện dịch vụ KH&CN.
5. Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, các phòng thí nghiệm, liên ngành và chuyên ngành phục vụ đào tạo và NCKH.
6. Tổ chức hoạt động NCKH cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.
7. Tiến hành các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về KH&CN.
8. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động KH&CN của Nhà trường; trao đổi thông tin KH&CN với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khác ở trong và ngoài nước.
9. Xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm.
10. Triển khai các hoạt động KH&CN khác.

#### **Điều 5. Tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Hằng năm, dành tối thiểu 5% kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của Trường để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong Trường. Đảm bảo 20% vốn đối ứng đối với các dự án phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ được đầu tư.
2. Tài chính cho hoạt động KH&CN gồm các nguồn:
  - a) Từ ngân sách nhà nước;
  - b) Tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài;
  - c) Từ quỹ phát triển KH&CN các cấp (quốc gia, bộ, ngành, tỉnh, thành phố, trường đại học, doanh nghiệp);
  - d) Thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
  - đ) Trích từ nguồn thu hợp pháp của Nhà trường;
  - e) Huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác.

3. Kinh phí cho các đề tài cấp Trường được ưu tiên dành cho các đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng, giải quyết các bài toán thực tiễn đặt ra của Nhà trường, của Ngành Giao thông vận tải, của địa phương nơi trường đặt trụ sở và đất nước, xuất bản bài báo khoa học quốc tế được Hội đồng Khoa học- Đào tạo Nhà trường xét và đề nghị Hiệu trưởng phê duyệt. Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm quyết toán với Phòng Tài chính - Kế toán theo các quy định hiện hành.

4. Kinh phí do cơ quan bên ngoài cấp cho hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN với đơn vị bên ngoài Trường (không phải là hợp đồng kinh tế) do Nhà trường làm cơ quan chủ trì (hoặc chủ quản) phải chuyển về tài khoản của Trường. Mức quản lý phí đối với các đề tài thuộc phạm vi quản lý của Nhà trường được quy định theo các quy định tài chính hiện hành. Kinh phí khen thưởng cho các đề tài được cơ quan cấp trên hoặc đơn vị ngoài Trường cấp thuộc quyền sử dụng của những người thực hiện đề tài.

5. Chi cho hoạt động KH&CN từ ngân sách nhà nước và từ các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường được áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định của Trường Đại học Công nghệ GTVT.

## **Chương 2**

### **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ KẾ HOẠCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 6. Xây dựng định hướng phát triển khoa học và công nghệ**

Xây dựng định hướng phát triển KH&CN dài hạn từ 5 năm đến 10 năm dựa trên cơ sở chiến lược phát triển của Trường Đại học Công nghệ GTVT; chiến lược phát triển của ngành Giao thông vận tải; của địa phương nơi có cơ sở đào tạo của Nhà trường; chiến lược phát triển KH&CN và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

#### **Điều 7. Xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ**

1. Xây dựng kế hoạch KH&CN hằng năm trên cơ sở định hướng phát triển KH&CN của Trường Đại học Công nghệ GTVT; định hướng, mục tiêu, kế hoạch phát triển KH&CN của nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố và nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp.

2. Kế hoạch KH&CN được xây dựng theo các nội dung hoạt động KH&CN trong Nhà trường và thực hiện tiến độ theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 8. Nội dung kế hoạch khoa học và công nghệ**

Nội dung kế hoạch KH&CN bao gồm xây dựng các nhiệm vụ:

1. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ các cấp (cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh thành, cấp Trường) bao gồm đề tài, chương trình, dự án sản xuất thử nghiệm, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ khác.

2. Sở hữu trí tuệ; ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thực hiện dịch vụ KH&CN; tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo.

3. Đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ quản lý và nghiên cứu khoa học.

4. Các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm, liên ngành và chuyên ngành.

5. Nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và giảng viên trẻ.

6. Hợp tác KH&CN trong và ngoài nước.

7. Thông tin KH&CN.

8. An toàn - Vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường.

9. Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng sản phẩm.

10. Nhiệm vụ về quản lý khoa học và công nghệ.

11. Tài chính cho hoạt động KH&CN.

12. Tổng kết nhiệm vụ KH&CN hằng năm và theo giai đoạn.

13. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

#### **Điều 9. Quy trình xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm**

1. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN:

a) Hằng năm, căn cứ vào định hướng, mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ của nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố; nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các đơn vị trong Trường đề xuất nhiệm vụ KH&CN, Phòng KHCN-HTQT tập hợp báo cáo Ban giám hiệu và trình với các cơ quan quản lý;

b) Hằng năm căn cứ vào định hướng, mục tiêu phát triển KH&CN của Trường, Trường Đại học Công nghệ GTVT xác định nhiệm vụ KH&CN cấp Trường và các nội dung hoạt động khoa học và công nghệ khác.

2. Tham gia tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Căn cứ vào danh mục các nhiệm vụ KH&CN đã được các cấp quản lý (cấp nhà nước, bộ, tỉnh và thành phố) phê duyệt và đưa ra tuyển chọn, xét chọn, Nhà trường tổ chức cho các đơn vị, cá nhân trong Trường đăng ký tham gia.

3. Phê duyệt nhiệm vụ KH&CN:

Trường Đại học Công nghệ GTVT phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN cấp Trường theo Quy định hoạt động KH&CN của Trường.

### Chương 3

## THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### **Điều 10. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Nhà trường tập trung nguồn lực, tạo mọi điều kiện cần thiết để các tập thể, cá nhân triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp đã được phê duyệt theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ KH&CN.

2. Nhà Trường tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho các tập thể, cá nhân ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu, các thành tựu KH&CN trong và ngoài nước vào sản xuất, đời sống, phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện dịch vụ KH&CN; tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo.

### **Điều 11. Đánh giá, nghiệm thu và công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Nhiệm vụ KH&CN được đánh giá, nghiệm thu căn cứ vào nội dung hoạt động KHCN hoặc hợp đồng triển khai thực hiện nhiệm vụ KHCN.

2. Nhiệm vụ KH&CN các cấp được tổ chức đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ KH&CN.

3. Nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo hợp đồng giữa Nhà trường và các tổ chức, cá nhân được tổ chức đánh giá, nghiệm thu theo thỏa thuận của các bên ghi trong hợp đồng.

4. Nhà trường và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN các cấp có trách nhiệm đăng ký, công bố, nộp báo cáo kết quả cho các cơ quan quản lý theo quy định.

### **Điều 12. Đầu tư tăng cường cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ**

Nhà trường chủ động tìm kiếm các nguồn vốn khác nhau đầu tư tăng cường các trang thiết bị khoa học mới hiện đại, nâng cấp các phòng thí nghiệm trọng điểm và phòng thí nghiệm chuyên ngành; có kế hoạch duy trì khai thác hiệu quả các phòng thí nghiệm đã được đầu tư phục vụ cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo.

### **Điều 13. Hợp tác khoa học và công nghệ trong nước và ngoài nước**

1. Tổ chức thực hiện kế hoạch hợp tác KH&CN với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức, cá nhân, các đơn vị sự nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở trong nước; với các trường đại học, các viện nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam cư trú và định cư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung hợp tác bao gồm:

- a) Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;
- b) Đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi cán bộ khoa học và các nhóm nghiên cứu;



c) Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, trao đổi thông tin và kinh nghiệm quản lý KHCN;

d) Thành lập cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành;

đ) Tham gia triển lãm, giải thưởng KH&CN;

3. Nhà trường tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích sự hợp tác giữa các đơn vị và cá nhân trong Trường với các đối tác trong và ngoài nước.

#### **Điều 14. Đào tạo và nâng cao trình độ cán bộ quản lý và nghiên cứu khoa học**

Trường Đại học Công nghệ GTVT tiến hành xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ khoa học đầu ngành, cán bộ khoa học trẻ, xây dựng các nhóm nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành của trường theo kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm và hằng năm thông qua hình thức đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài.

#### **Điều 15. Thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ**

Nhà trường thực hiện các hoạt động thông tin KH&CN, bao gồm:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động thông tin KH&CN.

2. Tổ chức tìm kiếm, thu thập, xử lý các dữ liệu, số liệu, dữ kiện, tin tức, tri thức nhằm tạo lập nguồn tin KH&CN (sách, báo, tạp chí, tập san KHCN, cơ sở dữ liệu, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tài liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, luận văn, luận án sau đại học và các nguồn tin khác được tổ chức, cá nhân thu thập).

3. Quản lý, lưu giữ nguồn tin KH&CN; cung cấp, trao đổi thông tin khoa học và công nghệ; tham gia vào hệ thống thông tin - thư viện chung của các trường đại học trong và ngoài nước.

4. Xây dựng các cơ sở dữ liệu tổng hợp trên cổng thông tin điện tử của Trường phục vụ công tác quản lý, thống kê, tra cứu và trang thông tin điện tử về khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến trong hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

5. Xuất bản Tạp chí Khoa học và Công nghệ Giao thông để công bố kết quả nghiên cứu và hoạt động khoa học và công nghệ của Trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Tổ chức các hoạt động thư viện, hội nghị, hội thảo, triển lãm, hội chợ về KH&CN, hội chợ công nghệ và thiết bị.

#### **Điều 16. Nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên**

1. Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích sinh viên, học viên (sau đây gọi là người học) tham gia NCKH; cử cán bộ, giảng viên hướng dẫn và hỗ trợ kinh phí cho các đề tài NCKH của người học. Hằng năm, dành tối thiểu 3% kinh phí từ nguồn thu học phí hệ chính quy của Trường để cho người học hoạt động nghiên cứu khoa học.

2. Để tạo điều kiện giúp người học nghiên cứu khoa học, Trường cho phép thành lập các Câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, sáng tạo ở các Khoa chuyên ngành. Những Câu lạc bộ có chương trình hoạt động tốt, có định hướng nghiên cứu cụ thể sẽ được Nhà trường hỗ trợ kinh phí để hoạt động và tham gia các cuộc thi nghiên cứu sáng tạo trong và ngoài nước.

3. Hằng năm Nhà trường tổ chức Hội nghị nghiệm thu đề tài NCKH và tổng kết hoạt động KHCN của người học trong năm; tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể đạt thành tích trong hoạt động NCKH và đề xuất, phát động phong trào NCKH của người học cho năm tiếp theo. Các đề tài đạt giải cao sẽ được gửi tham gia xét Giải thưởng “Tài năng khoa học trẻ Việt Nam” dành cho sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Người học tham gia NCKH có đề tài được nghiệm thu sẽ được Nhà trường cấp giấy chứng nhận và tùy theo kết quả đạt được sẽ được khen thưởng. Cán bộ, giảng viên hướng dẫn cho người học làm NCKH được tính khối lượng KHCN và xét khen thưởng tùy theo mức độ thành công của các đề tài.

4. Nhà trường xây dựng và ban hành quy định về nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Công nghệ GTVT.

## **Chương 4**

### **QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 17. Tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Nhà Trường giao Phòng KHCN - HTQT thực hiện nhiệm vụ chuyên trách quản lý hoạt động KH&CN.

2. Các đơn vị, tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động KH&CN trong Trường bao gồm các Phân hiệu, Cơ sở đào tạo, Trung tâm, Phòng, Khoa, Viện, các tổ chức dịch vụ KH&CN và tổ chức phục vụ hoạt động KH&CN.

3. Các tổ chức, cá nhân thực hiện chỉ đạo hoạt động KH&CN trong Trường gồm:

- a) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường;
- b) Hội đồng Khoa;
- c) Hiệu trưởng.

#### **Điều 18. Nội dung quản lý hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Ban hành và tổ chức thực hiện quy định hoạt động KH&CN của Trường theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giao thông vận tải.

2. Xây dựng định hướng chiến lược phát triển KH&CN của Trường cho từng giai đoạn.

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm.

4. Huy động các nguồn tài chính cho hoạt động KH&CN và sử dụng nguồn tài chính theo quy định hiện hành.

5. Khen thưởng và đề xuất khen thưởng các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ xuất sắc.

6. Định kỳ thanh tra, kiểm tra, tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của Trường; xét khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và xử lý các vi phạm theo quy định hiện hành.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng năm, 5 năm và báo cáo đột xuất về kết quả hoạt động KH&CN của Trường với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương nơi trường đặt cơ sở đào tạo.

**Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ của Trường.

2. Ban hành các quy định về hoạt động KH&CN của Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành liên quan về hoạt động KH&CN.

3. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN của Trường, Phân hiệu, Cơ sở đào tạo, Khoa, Viện, Trung tâm gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

4. Tổ chức huy động các nguồn vốn khác nhau cho hoạt động khoa học và công nghệ và sử dụng nguồn vốn theo nguyên tắc hiệu quả và phát triển tài năng trẻ.

5. Khen thưởng và vinh danh các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học xuất sắc.

6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch hoạt động KH&CN.

**Điều 20. Chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên trách trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ**

Phòng KHCN – HTQT được Hiệu trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản lý hoạt động KH&CN của Trường như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng liên quan tổ chức thực hiện các nội dung quản lý hoạt động KH&CN theo Điều 18 của văn bản này.

2. Quản lý việc tổ chức, thực hiện hoạt động KH&CN của các đơn vị, tổ chức trực thuộc Trường; tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường.

**Điều 21. Nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Cơ sở đào tạo, Viện đào tạo, Trung tâm đào tạo, Khoa (sau đây gọi là Khoa):
  - Xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN hằng năm của đơn vị căn cứ vào định hướng, mục tiêu phát triển KH&CN chung của Nhà trường và của đơn vị;
  - Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của đơn vị;
  - Phối hợp với Phòng KHCN-HTQT và các phòng chức năng có liên quan quản lý chất lượng hoạt động KH&CN; xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ KH&CN.
  - Chỉ đạo, quản lý hoạt động NCKH của sinh viên, học viên.
2. Bộ môn trực thuộc Cơ sở đào tạo, Viện đào tạo, Trung tâm đào tạo, Khoa :
  - Bộ môn có nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ KH&CN theo kế hoạch của Trường và Khoa;
  - Chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo tổ chức KH&CN, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho Trường;
  - Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ khoa học của Bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn;
  - Tổ chức đánh giá công tác quản lý hoạt động KH&CN của cá nhân, của Bộ môn, của Khoa và của Trường theo yêu cầu của Trường khoa, Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học và đào tạo;
  - Thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN trong lĩnh vực chuyên môn của Bộ môn;
  - Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN của Bộ môn.
3. Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu trong Trường là tổ chức nghiên cứu và phát triển cấp cơ sở, được thành lập và hoạt động theo Luật Khoa học và Công nghệ, có các nhiệm vụ sau:
  - Triển khai các nhiệm vụ KH&CN, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng;
  - Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, gắn hoạt động KH&CN với đào tạo và thực tế sản xuất, kinh doanh.
4. Doanh nghiệp trong Trường có nhiệm vụ tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm là kết quả nghiên cứu và hàng hoá dịch vụ thuộc các ngành nghề mà pháp luật không cấm hoặc thực hiện các dịch vụ KH&CN gắn với chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của Trường nhằm đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống, góp phần gắn nhà trường với xã hội, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, góp phần phát triển thị trường công nghệ.
5. Các tổ chức dịch vụ KH&CN và các tổ chức phục vụ hoạt động KH&CN (phòng thí nghiệm, xưởng thực hành) có chức năng, nhiệm vụ được xác định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và trong quyết định thành lập.

**Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của các tổ chức tư vấn trong Trường về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường tư vấn cho Hiệu trưởng về: định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động KH&CN, giao nhiệm vụ KH&CN; xây dựng và sửa đổi các quy chế, quy định về hoạt động KH&CN; đánh giá công tác quản lý và thực hiện hoạt động KH&CN của các đơn vị trong Trường.

2. Các hội đồng tư vấn do Hiệu trưởng thành lập để tư vấn cho Hiệu trưởng về những vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động KH&CN.

**Điều 23. Trách nhiệm quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của các đơn vị nghiệp vụ**

1. Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với Phòng KHCN - HTQT xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ KHCN của Trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Phòng Tài chính - Kế toán chủ trì phối hợp với Phòng KHCN - HTQT giúp Hiệu trưởng quản lý các nguồn kinh phí, các hoạt động thu, chi và báo cáo quyết toán trong hoạt động KHCN theo quy định hiện hành.

3. Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học phối hợp với Phòng KHCN - HTQT để triển khai công tác gắn đào tạo với nghiên cứu KHCN.

4. Các trung tâm, phòng thực hành - thí nghiệm chủ trì phối hợp với Phòng KHCN - HTQT xây dựng kế hoạch duy trì và tăng cường năng lực thiết bị cho các phòng thí nghiệm; tạo điều kiện để các cán bộ, giảng viên thực hiện nhiệm vụ KHCN.

**Điều 24. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên**

Nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ bắt buộc của giảng viên. Trong năm học, giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và được quy đổi thành 150 giờ chuẩn giảng dạy.

Các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học gồm:

1. Chủ trì hoặc tham gia tổ chức, chỉ đạo, thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ các cấp.

2. Nghiên cứu khoa học và công nghệ để phục vụ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá môn học.

3. Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Viết chuyên đề, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong và ngoài nước.

5. Tham gia báo cáo tại các hội thảo khoa học của khoa, bộ môn, đơn vị; hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học.

6. Thực hiện các hợp đồng nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

7. Tư vấn về chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của giảng viên.

8. Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và công nghệ.

9. Thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức khoa học phục vụ đời sống.

10. Tham gia các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về khoa học và công nghệ.

11. Các hoạt động nghiên cứu khoa học khác.

*(Quy định về quy đổi các hoạt động khoa học công nghệ thành giờ chuẩn giảng dạy trong Phụ lục kèm theo)*

#### **Điều 25. Liêm chính học thuật trong các hoạt động nghiên cứu khoa học**

1. Các hoạt động nghiên cứu khoa học trong Trường Đại học Công nghệ GTVT phải đảm bảo liêm chính học thuật. Nhà trường xây dựng và ban hành quy chế về liêm chính học thuật trong các hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Công nghệ GTVT.

2. Nhà trường phổ biến cho cán bộ, viên chức và người học về việc đảm bảo liêm chính học thuật trong các hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường, và xử lý các vi phạm (nếu có) theo đúng quy định được ban hành.

#### **Điều 26. Hoạt động sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Công nghệ GTVT**

1. Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động sở hữu trí tuệ, ban hành quy chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Công nghệ GTVT.

2. Nhà trường phổ biến và tập huấn cho cán bộ, viên chức và người học về pháp luật sở hữu trí tuệ, cung cấp thông tin cập nhật về cơ sở dữ liệu tài sản trí tuệ trong nước và nước ngoài.

#### **Điều 27. Tiêu chuẩn năng lực trong các hoạt động KHCN**

1. Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học và công nghệ của Đảng và Nhà nước; nắm bắt được tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và các yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn đối với lĩnh vực nghiên cứu; những thành tựu và xu hướng phát triển KHCN, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và trên thế giới liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu.

2. Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu; có khả năng nghiên cứu và áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, tư vấn chuyển giao công nghệ.

3. Có trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ KHCN.

4. Có khả năng tổ chức và kết nối các nhà nghiên cứu có năng lực trong và ngoài Trường để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Có khả năng tổ chức hướng dẫn sinh viên, người học tham gia nghiên cứu khoa học; hướng dẫn thảo luận, hướng dẫn sinh viên phương pháp nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của từng sinh viên để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và định hướng nghiên cứu.

6. Có năng lực sử dụng ngoại ngữ, tin học để phục vụ hoạt động khoa học công nghệ.

7. Hoàn thành nhiệm vụ KHCN trong từng năm học theo quy định hiện hành.

## **Chương 5**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 28. Khen thưởng**

1. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân, thực hiện tốt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ quản lý khoa học và công nghệ sẽ được Hiệu trưởng xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ của những năm trước là căn cứ quan trọng để Nhà trường giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho năm kế hoạch tiếp theo.

3. Thành tích khen thưởng về hoạt động khoa học và công nghệ là một trong những căn cứ để đánh giá cán bộ, viên chức trong công tác bình bầu, xếp loại thi đua hàng năm.

#### **Điều 29. Xử lý vi phạm**

1. Các hình thức vi phạm:

a) Lợi dụng hoạt động KHCN để xuyên tạc, chống lại đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; làm trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc;

b) Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

c) Không trung thực trong hoạt động KHCN;

d) Không hoàn thành nhiệm vụ KHCN của năm học theo quy định hiện hành.

2. Xử lý vi phạm

Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, các đơn vị, tổ chức và cá nhân sẽ bị xem xét xử lý theo một hoặc một số hình thức sau:

- Phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã được Nhà trường cấp cho nhiệm vụ, hoạt động KHCN được giao;

- Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, Hiệu trưởng căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách

liên quan, đồng thời số giờ không hoàn thành nhiệm vụ KHCN sẽ qui đổi thành giờ chuẩn để giảm trừ vào số giờ giảng dạy vượt định mức giờ chuẩn khi thanh toán tiền dạy thêm giờ;

- Tập thể, cá nhân vi phạm chế độ, chính sách của Nhà nước trong hoạt động KHCN thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

## **Chương 6**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 30. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Các đơn vị trong toàn Trường, các nhà khoa học và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện Quy định này.

2. Phòng KHCN-HTQT có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này trong toàn Trường.

3. Quy định này được áp dụng thống nhất về hoạt động khoa học và công nghệ trong toàn Trường. Trong quá trình thực hiện, nếu có ý kiến đề xuất sửa đổi hoặc bổ sung, các đơn vị phản ánh về Ban Giám hiệu thông qua Phòng KHCN - HTQT để trình Hiệu trưởng xem xét quyết định./.



**Phụ lục**

**QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG KHCN RA GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5765/QĐ-ĐHCNGTVT, ngày 22/12/2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)

**I. Các hoạt động khoa học và công nghệ được quy đổi ra giờ chuẩn giảng dạy**

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>I</b>	<b>ĐỀ TÀI, NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH KHCN CÁC CẤP</b>		
<b>1.1</b>	<b>Đề tài NCKH cấp trường</b>		
1.1.1	Thực hiện nghiên cứu	Đề tài	<b>150</b>
1.1.2	Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, ủy viên phản biện:		
	+ Cấp Trường	Đề tài	15
	+ Cấp Khoa	Đề tài	10
1.1.3	Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng nghiệm thu:		
	+ Cấp Trường	Đề tài	10
	+ Cấp Khoa	Đề tài	5
1.1.4	Thành viên Hội đồng xét duyệt đề cương:		
	+ Cấp Trường	Đề tài	5
	+ Cấp Khoa	Đề tài	3
<b>1.2</b>	<b>Đề tài, nhiệm vụ KHCN, dự án SXTN cấp Bộ, Tỉnh, Thành phố; chuyên đề của đề tài Nhà nước; đề tài theo dự án quốc tế, Nghị định thư</b>		
1.2.1	Thực hiện nghiên cứu	Đề tài	<b>750</b>
1.2.2	Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, ủy viên phản biện:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	50
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	30
1.2.3	Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng nghiệm thu:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	30
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	20
1.2.4	Thành viên Hội đồng xét duyệt đề cương / đề xuất:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	15
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	10
<b>1.3</b>	<b>Đề tài, nhiệm vụ KHCN; dự án SXTN; Chương trình KHCN cấp Nhà nước</b>		

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
(1)	(2)	(3)	(4)
1.3.1	Thực hiện nghiên cứu	Đề tài	1.500
1.3.2	Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, ủy viên phản biện:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	100
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	50
1.3.3	Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng nghiệm thu:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	50
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	30
1.3.4	Thành viên Hội đồng xét duyệt đề cương / đề xuất:		
	+ Cấp cơ quan quản lý	Đề tài	30
	+ Cấp cơ sở	Đề tài	20
<b>1.4</b>	<b>Hoạt động sáng kiến, sáng tạo kỹ thuật</b>		
1.4.1	Sáng kiến cải tiến cấp Trường:		
	+ Thực hiện nội dung	Sáng kiến	75
	+ Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, ủy viên phản biện	Sáng kiến	10
	+ Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng nghiệm thu	Sáng kiến	5
1.4.2	Tham gia cuộc thi NCKH, sáng tạo kỹ thuật cấp Bộ, Tỉnh hoặc tương đương đạt giải:		
	+ Giải nhất	Công trình	750
	+ Giải nhì	Công trình	500
	+ Giải ba	Công trình	300
	+ Giải khuyến khích	Công trình	200
	+ Giấy chứng nhận tham gia	Công trình	100
1.4.3	Tham gia cuộc thi NCKH, sáng tạo kỹ thuật cấp Quốc gia		
	+ Giải nhất	Công trình	1.500
	+ Giải nhì	Công trình	1200
	+ Giải ba	Công trình	1000
	+ Giải khuyến khích	Công trình	500
	+ Giấy chứng nhận tham gia	Công trình	200
<b>1.5</b>	<b>Hướng dẫn sinh viên NCKH</b>		
1.5.1	Giảng viên hướng dẫn	Đề tài	100
1.5.2	Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, ủy viên phản biện		
	+ Cấp Trường	Đề tài	10
	+ Cấp Khoa	Đề tài	5

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
(1)	(2)	(3)	(4)
1.5.3	Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng nghiệm thu		
	+ Cấp Trường	Đề tài	5
	+ Cấp Khoa	Đề tài	3
1.5.4	Thành viên Hội đồng xét duyệt đề cương:		
	+ Cấp Trường	Đề tài	3
	+ Cấp Khoa	Đề tài	2
1.5.5	Hướng dẫn sinh viên tham gia cuộc thi NCKH, sáng tạo kỹ thuật cấp Nhà nước, Bộ, Tỉnh hoặc tương đương đạt giải:		
	+ Giải nhất	Công trình	300
	+ Giải nhì	Công trình	250
	+ Giải ba	Công trình	200
	+ Giải khuyến khích	Công trình	150
	+ Không đạt giải	Công trình	100
<b>II</b>	<b>BÀI BÁO CÔNG BỐ TRÊN CÁC TẠP CHÍ KHOA HỌC UY TÍN, CHẤT LƯỢNG, CÓ PHẢN BIỆN</b>		
2.1	Công bố các bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế:		
	+ Thuộc danh mục ISI	Bài	750
	+ Thuộc danh mục Scopus, ESCI	Bài	500
	+ Tạp chí quốc tế khác có phản biện đồng cấp nghiêm túc	Bài	200
2.2	Công bố các bài báo trên tạp chí khoa học trong nước:		
	+ Tạp chí khoa học của Trường ĐH Công nghệ GTVT	Bài	180
	+ Tạp chí trong nước thuộc danh mục được HĐ CDGSNN tính điểm	Bài	150
2.3	Phản biện bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành:		
	+ Tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI	Bài	100
	+ Tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus, ESCI	Bài	70
	+ Tạp chí trong nước thuộc danh mục được HĐ CDGSNN tính điểm	Bài	15
2.4	Biên tập các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học uy tín		

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
(1)	(2)	(3)	(4)
	+ Tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI	Bài	200
	+ Tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus, ESCI	Bài	150
	+ Tạp chí trong nước thuộc danh mục được HĐ CDGSNN tính điểm	Bài	100
	+ Tạp chí khoa học của Trường ĐH Công nghệ GTVT	Bài	100
<b>III</b>	<b>CÁC SẢN PHẨM ĐƯỢC CHỨNG NHẬN SỞ HỮU TRÍ TUỆ</b>		
3.1	Các sản phẩm KHCN được cấp bằng phát minh, sáng chế (patent):		
	+ Theo chuẩn Mỹ công nhận	Sản phẩm	1000
	+ Việt Nam công nhận	Sản phẩm	500
3.2	Các sản phẩm KHCN được cấp giấy chứng nhận:		
	+ Sở hữu trí tuệ thế giới	Sản phẩm	300
	+ Giải pháp hữu ích	Sản phẩm	200
<b>IV</b>	<b>BIÊN SOẠN SÁCH, GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU THAM KHẢO, XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>		
4.1	Biên soạn sách chuyên khảo	Quyển	500
4.2	Biên soạn giáo trình đại học	Tín chỉ	150
4.3	Biên soạn giáo trình Sau đại học	Tín chỉ	200
4.4	Biên soạn tài liệu tham khảo, sách bài tập, sách hướng dẫn thí nghiệm, sách biên dịch	Tín chỉ	75
4.5	Tái bản có bổ sung giáo trình	Tín chỉ	50
4.6	Chủ tịch, phản biện Hội đồng nghiệm thu		
	+ Cấp Trường	Tín chỉ	30
	+ Cấp Khoa	Tín chỉ	15
4.7	Ủy viên, thư ký Hội đồng nghiệm thu		
	+ Cấp Trường	Tín chỉ	20
	+ Cấp Khoa	Tín chỉ	10
4.8	Tham gia xây dựng chương trình đào tạo	Chương trình	300
<b>V</b>	<b>CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ, TƯ VẤN KỸ THUẬT, KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI</b>		
5.1	Thực hiện tư vấn kỹ thuật trong hợp đồng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của		

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
(1)	(2)	(3)	(4)
	Trường, dự án ứng dụng, phát triển khoa học công nghệ mới có kinh phí:		
	50 ÷ 250 triệu đồng	Hợp đồng	100
	250 ÷ 500 triệu đồng	Hợp đồng	150
	> 500 triệu đồng	Hợp đồng	300
5.2	Tham gia thực hiện các dự án KHCN, đào tạo trong Trường:		
	+ Lập dự án, xây dựng tính năng kỹ thuật dự án	Dự án	30
	+ Tham gia tổ tiếp nhận đào tạo chuyển giao công nghệ	Ngày/người	5
VI	<b>HỘI NGHỊ / HỘI THẢO, HỘI ĐỒNG KHOA HỌC</b>		
6.1	Báo cáo hội nghị / hội thảo khoa học quốc tế:		
	+ Có phản biện	Báo cáo	250
	+ Không có phản biện	Báo cáo	150
6.2	Báo cáo hội nghị / hội thảo khoa học quốc gia:		
	+ Có phản biện	Báo cáo	200
	+ Không có phản biện	Báo cáo	100
6.3	Báo cáo hội thảo ngành/ chuyên ngành cấp trường đại học hoặc tương đương:		
	+ Có phản biện	Báo cáo	100
	+ Không có phản biện	Báo cáo	50
6.4	Báo cáo hội thảo ngành/ chuyên ngành:		
	+ Cấp Khoa	Báo cáo	75
	+ Cấp Bộ môn	Báo cáo	30
6.5	Tham gia Hội đồng chấm luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ		
	Chủ tịch Hội đồng, ủy viên phản biện:		
	+ Luận án tiến sĩ các cấp	Luận án	100
	+ Luận văn thạc sĩ	Luận văn	30
	Thư ký khoa học, ủy viên Hội đồng:		
	+ Luận án tiến sĩ các cấp	Luận án	50
	+ Luận văn thạc sĩ	Luận văn	20
	Nhận xét tóm tắt luận án tiến sĩ	Luận án	20
VII	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG KHCN KHÁC</b>		

TT	Nội dung	Đơn vị	Tổng giờ chuẩn (GC)
(1)	(2)	(3)	(4)
7.1	Góp ý nhận xét nhiệm vụ KHCN theo yêu cầu các cơ quan cấp Bộ, cấp Tỉnh hoặc tương đương	Góp ý	30
7.2	Tham gia trả lời phỏng vấn, đối thoại trên các phương tiện truyền thông chính thống góp phần xây dựng và phát triển Trường, Ngành, lĩnh vực và đất nước.	Lần	50
7.3	Lập báo cáo đề xuất KHCN theo yêu cầu của Nhà trường	Báo cáo	50
7.4	Tham gia thực hiện dự án hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ với các đối tác của Nhà trường	Dự án	100
7.5	Một số hoạt động khác tùy theo nội dung, ý nghĩa khoa học cụ thể, Hội đồng KH-ĐT sẽ đề xuất Hiệu trưởng quyết định số giờ chuẩn giảng dạy.		

**\* Một số lưu ý:**

- Khối lượng NCKH trong một năm học được tính từ ngày 01 tháng 8 của năm hiện tại đến ngày 30 tháng 7 của năm tiếp theo. Khối lượng NCKH được thực hiện trong năm học nào thì chỉ được tính trong năm học đó.

- Khối lượng NCKH được tính sau khi nhiệm vụ KHCN được hoàn thành hoặc được nghiệm thu và chỉ tính cho các thành viên chính thức thực hiện nhiệm vụ KHCN.

- Trường hợp hoạt động KHCN do một tác giả thực hiện thì được hưởng toàn bộ khối lượng NCKH của hoạt động đó.

- Trường hợp hoạt động KHCN do nhóm tác giả thực hiện thì phân chia khối lượng NCKH như sau:

+ Nhóm tác giả trên 03 người: Chủ trì chính hưởng 1/3 tổng giờ chuẩn, 2/3 còn lại chia đều cho các thành viên khác;

+ Nhóm tác giả có 03 người: Chủ trì chính hưởng 1/2 tổng giờ chuẩn, 1/2 còn lại chia đều cho 02 thành viên khác;

+ Nhóm tác giả có 02 người: Chủ trì chính hưởng 2/3 tổng giờ chuẩn, thành viên còn lại hưởng 1/3 tổng giờ chuẩn.

Chủ trì chính (tác giả chính) là tác giả đầu (first author) hoặc là tác giả chịu trách nhiệm tiếp nhận thông tin (corresponding author).

- Trường hợp hoạt động KHCN được thực hiện trong nhiều năm thì khối lượng NCKH được chia đều theo số năm thực hiện.

- Bài báo khoa học được tính khối lượng NCKH và được hỗ trợ kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường trong các trường hợp sau:

+ Bài báo đăng trên các Tạp chí khoa học trong nước có tên trong danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước.

+ Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế có uy tín là các Tạp chí có chất lượng thuộc danh mục ISI và các Tạp chí thuộc danh mục Scopus và ESCI của web of science và không nằm trong danh mục các tạp chí, nhà xuất bản không có uy tín được liệt kê trong trang web có đường dẫn sau: <https://predatoryjournals.com/journals/>.

- Điều kiện để được công nhận khối lượng NCKH và được hỗ trợ kinh phí:

+ Cá nhân tham gia các hoạt động KHCN trong và ngoài Trường, trong hồ sơ thực hiện phải ghi rõ địa chỉ cơ quan công tác là Trường Đại học Công nghệ GTVT, 54 Triều Khúc- Thanh Xuân- Hà Nội và sử dụng hộp thư điện tử giao dịch theo tên miền do Nhà trường cấp (ví dụ: nguyenvana@utt.edu.vn)

+ Sau tối đa 01 (một) tháng kể từ ngày số báo xuất bản, cá nhân phải kê khai thông tin hoạt động khoa học công nghệ trong hồ sơ cá nhân trên trang web của Nhà trường và nộp bản cứng (01 bản phô tô) về Phòng KHCN&HTQT và bản mềm qua email: phongkhen@utt.edu.vn.

## **II. Phương pháp và thủ tục kê khai khối lượng khoa học và công nghệ cuối năm học**

a) Cuối năm học, giảng viên có trách nhiệm kê khai theo mẫu thống nhất do Nhà trường quy định có xác nhận của Trường đơn vị và nộp bổ sung minh chứng về Phòng KHCN-HTQT để quản lý và thực hiện các thủ tục để tính khối lượng công tác và xét thi đua khen thưởng. Trường các đơn vị chịu trách nhiệm trước Nhà trường về tính xác thực của bảng kê khai và minh chứng của cán bộ, giảng viên, giáo viên mà đơn vị quản lý.

b) Phòng KHCN-HTQT chịu trách nhiệm thẩm định và xác định kết quả giờ chuẩn từ các hoạt động KHCN của giảng viên và trình Ban Giám hiệu phê duyệt./.

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ SỐ LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG**  
**CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ÁP DỤNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5765/QĐ-ĐHCN-GTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)*

Mã số tiêu chí	Tên tiêu chí	Phân tổ chủ yếu	Kỳ thu thập	Đơn vị tổng hợp	
				Chủ trì	Phối hợp
	<b>1. Nhân lực cho Khoa học và công nghệ (KHCCN)</b>				
KH11	Số lượng cán bộ, giảng viên	Khoa/Phòng/Viện /Trung tâm/CSDT; Giới tính; Học hàm, học vị; Chuyên ngành đào tạo; Thâm niên công tác	Năm	P.KHCN-HTQT	P. TCCB
KH12	Số lượng cán bộ khoa học công nghệ				
	<b>2. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</b>				
KH21	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt mới	Loại nhiệm vụ (đề tài, đề án, dự án); Cấp (cơ sở/ tỉnh, bộ, quốc gia); Lĩnh vực KHCCN; Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSDT; Loại hình nghiên cứu; Kinh phí; Nguồn kinh phí	Năm	P.KHCN-HTQT	Các Khoa/phòng/viện/TT/CSDT
KH22	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu				
KH23	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đưa vào ứng dụng				
KH24	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký kết quả thực hiện				
KH25	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu bình quân 1 năm của cán bộ khoa học công nghệ	Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSDT; Loại nhiệm vụ (đề tài, đề án, dự án); Cấp quản lý			
KH26	Số người được đào tạo thông qua nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Trình độ; Loại nhiệm vụ (đề tài, đề án, dự án); Cấp quản lý;			



Mã số tiêu chí	Tên tiêu chí	Phân tổ chủ yếu	Kỳ thu thập	Đơn vị tổng hợp	
				Chủ trì	Phối hợp
KH27	Số giải thưởng khoa học và công nghệ được trao tặng	Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSDT; Lĩnh vực khoa học			
		Loại giải thưởng; Lĩnh vực KHHCN; Cá nhân (giới tính)/tập thể; Quốc gia/quốc tế; Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSDT.			
	<b>3. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ</b>				
KH31	Số nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ	Loại nhiệm vụ; Cấp quản lý; Lĩnh vực KHHCN;	Năm	P.KHCN-HTQT	Các Khoa/phòng/viện/TT/CSDT
KH32	Số đoàn ra về khoa học và công nghệ	Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSDT; Hình thức hợp tác; Quốc gia hợp tác; Kinh phí; Nguồn cấp kinh phí.			
KH33	Số đoàn vào về khoa học và công nghệ				
	<b>4. Chuyển giao công nghệ</b>				
KH41	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép	Hình thức chuyển giao; Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSDT; Ngành kinh tế; Loại hình kinh tế; Quốc gia	Năm	P.KHCN-HTQT	Các Khoa/phòng/viện/TT/CSDT
KH42	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	Hình thức chuyển giao			
KH43	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSDT; Ngành kinh tế; Loại hình kinh tế; Quốc gia; Kinh phí; Nguồn cấp kinh phí.			
	<b>5. Sở hữu trí tuệ</b>				
KH51	Số đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp tại	Loại hình đơn/văn bằng (Sáng	Năm	P.KHCN-	Các Khoa/

Mã số tiêu chí	Tên tiêu chí	Phân tổ chủ yếu	Kỳ thu thập	Đơn vị tổng hợp	
				Chủ trì	Phối hợp
	Việt Nam	chế, kiểu dáng công nghiệp...); Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT.		HTQT	phòng/viện/TT/CSĐT
KH52	Số văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp tại Việt Nam				
KH53	Số đơn đăng ký quốc tế đối tượng sở hữu công nghiệp của tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT				
KH54	Số hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đã đăng ký	Loại hình văn bằng (Sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp...); Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT; Ngành kinh tế; Loại hình kinh tế; Quốc tịch bên gia, bên nhận.			
	<b>6. Công bố khoa học và công nghệ</b>				
KH61	Số bài báo công bố trên tạp chí khoa học và công nghệ trong nước	Loại tạp chí (ISSN; ISI; Scopus); Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT; Lĩnh vực KHHCN; Tác giả/đồng tác giả.			
KH62	Số bài báo công bố trên tạp chí khoa học và công nghệ nước ngoài				
KH63	Số bài báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo khoa học trong, ngoài nước	Loại Hội nghị/Hội thảo; Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT; Lĩnh vực KHHCN; Tác giả/đồng tác giả.	Năm	P.KHCN-HTQT	Các Khoa/phòng/viện/TT/CSĐT
KH64	Số giáo trình đã xuất bản	Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT; Có/không có mã ISBN; Tác giả/đồng tác giả.			
KH65	Số sách tham khảo đã xuất bản				
KH66	Số sách chuyên khảo đã xuất bản				

Mã số tiêu chí	Tên tiêu chí	Phân tổ chủ yếu	Kỳ thu thập	Đơn vị tổng hợp	
				Chủ trì	Phối hợp
KH67	Số lượng các công bố khoa học trung bình 1 năm của cán bộ khoa học công nghệ	Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSDT; Loại công bố; Quốc gia/quốc tế.			
	<b>7. Thu, chi từ hoạt động khoa học và công nghệ</b>				
KH71	Chi cho các hoạt động khoa học và công nghệ	Kinh phí; Nguồn cấp ngân sách; Khoản chi; Lĩnh vực KHCHN; Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSDT.	Năm	P.KHCN-HTQT	Các Khoa/phòng/viện/TT/CSDT
KH72	Thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ	Nguồn thu; Khoản thu; Lĩnh vực KHCHN; Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSDT.			

**PHỤ LỤC**  
**NỘI DUNG CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ SỐ LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG**  
**CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**ÁP DỤNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5765/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2021*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)*

---

**I. NHÂN LỰC CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**1. Số lượng viên chức, người lao động**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

Số người lao động của Trường Đại học Công nghệ GTVT (UTT) hiện có tại thời điểm 31/12 hàng năm do UTT trả công, trả lương gồm: viên chức, người lao động hợp đồng dài hạn. Đối với một số viên chức, người lao động đến thời điểm điều tra đang nghỉ thai sản, ốm đau hoặc đi làm cho đơn vị khác theo những hợp đồng phụ nhưng vẫn được hưởng lương hoặc một phần lương của đơn vị thì vẫn được tính trong tổng số lao động của đơn vị.

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Khoa/phòng/viện/Trung tâm/CSĐT.
- Giới tính.
- Trình độ chuyên môn.
- Học hàm, học vị.
- Chuyên ngành đào tạo.
- Thâm niên công tác.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế.
- Đơn vị phối hợp: Phòng Tổ chức cán bộ

**2. Số lượng người làm khoa học công nghệ**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

Số lượng người làm việc trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH-CN) hiện có tại thời điểm 31/12 hàng năm do UTT trả công, trả lương gồm: viên chức, người lao động hợp đồng dài hạn. Đối với một số viên chức, người lao động đến thời điểm điều tra đang nghỉ thai sản, ốm đau hoặc đi làm cho đơn vị khác theo những hợp đồng phụ

nhưng vẫn được hưởng lương hoặc một phần lương của đơn vị thì vẫn được tính trong tổng số lao động của đơn vị.

Người làm trong lĩnh vực KHCN của UTT bao gồm:

- VC-NLĐ làm việc theo chế độ giảng viên.
- VC-NLĐ làm việc theo chế độ chuyên viên nhưng có tham gia giảng dạy.
- VC-NLĐ có trình độ từ thạc sỹ trở lên.
- Viên chức quản lý tại các đơn vị thuộc, trực thuộc UTT có hưởng phụ cấp chức vụ.
- VC-NLĐ có trình độ từ đại học trở lên tham gia trực tiếp vào hoạt động KHCN.

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Khoa/phòng/viện/Trung tâm.
- Giới tính.
- Trình độ chuyên môn.
- Học hàm, học vị.
- Chuyên ngành đào tạo.
- Thâm niên công tác.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế.
- Đơn vị phối hợp: Phòng Tổ chức cán bộ

## **II. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

### **1. Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt mới**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

Số nhiệm vụ KHCN được phê duyệt mới là số đề tài, đề án, dự án KHCN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt mới trong năm báo cáo.

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại nhiệm vụ.
- Cấp quản lý.
- Lĩnh vực KHCN.
- Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm.
- Loại hình nghiên cứu.

- Kinh phí.
- Nguồn kinh phí.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **2. Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Số nhiệm vụ KHCN được nghiệm thu là số đề tài, đề án, dự án KHCN đã được cơ quan quản lý KH&CN có thẩm quyền đánh giá nghiệm thu chính thức trong năm báo cáo.*

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại nhiệm vụ.
- Cấp quản lý.
- Lĩnh vực KHCN.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Loại hình nghiên cứu.
- Kinh phí.
- Nguồn kinh phí.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **3. Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đưa vào ứng dụng**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Số nhiệm vụ KHCN đã đưa vào ứng dụng là số đề tài, đề án, dự án KHCN đã được tiếp nhận, chuyển giao, tổ chức ứng dụng, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN sau khi được đánh giá, nghiệm thu.*

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại nhiệm vụ.
- Cấp quản lý.
- Lĩnh vực KHCN.

- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Loại hình nghiên cứu.
- Kinh phí.
- Nguồn kinh phí.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

#### **4. Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký kết quả thực hiện**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN* được hiểu là tập hợp tài liệu về kết quả thu được từ hoạt động nghiên cứu và phát triển của nhiệm vụ KHCN, bao gồm: báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; phụ lục tổng hợp các số liệu điều tra, khảo sát; bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện; phần mềm.

*Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN* là việc tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN khai báo và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

*Số nhiệm vụ KHCN đăng ký kết quả thực hiện* là tổng số nhiệm vụ đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện đánh giá, nghiệm thu và đã đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại nhiệm vụ.
- Cấp quản lý.
- Lĩnh vực KHCN.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Loại hình nghiên cứu.
- Kinh phí.
- Nguồn kinh phí.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT

- Đơn vị phối hợp: Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **5. Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu bình quân 1 năm**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Số nhiệm vụ KHCN được nghiệm thu bình quân 1 năm (X)* là số đề tài, đề án, dự án KHCN đã được cơ quan quản lý KH&CN có thẩm quyền đánh giá nghiệm thu chính thức trong năm báo cáo (m) chia cho số cán bộ khoa học công nghệ có tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo (n).

$$\text{Công thức tính: } X = \frac{m}{n}$$

### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

- Loại nhiệm vụ (đề tài, đề án, dự án).

- Cấp quản lý.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

Phòng KHCN-HTQT

## **6. Số người được đào tạo thông qua nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

Người được đào tạo thông qua nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là người tham gia hoạt động nghiên cứu và bảo vệ thành công khoá luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ về nội dung của nhiệm vụ trong năm báo cáo.

### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Trình độ đào tạo.

- Loại nhiệm vụ.

- Cấp quản lý.

- Lĩnh vực KHCN.

- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

- Loại hình nghiên cứu.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT

- Đơn vị phối hợp: Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT



## **7. Số giải thưởng khoa học và công nghệ được trao tặng**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Giải thưởng khoa học và công nghệ được trao tặng* là những giải thưởng khoa học và công nghệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế trao tặng cho các tổ chức, cá nhân thuộc, trực thuộc UTT, về thành tích phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Giải thưởng quốc gia bao gồm giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng cấp Nhà nước, giải thưởng cấp Bộ, ngành và giải thưởng cấp địa phương.

### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại giải thưởng.
- Lĩnh vực KHCN.
- Cá nhân (giới tính)/tập thể.
- Quốc gia/quốc tế.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

### **c) Kỳ công bố: Năm.**

### **d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **III. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **1. Số nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ**

#### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về KHCN là đề tài, đề án, dự án KHCN hợp tác xây dựng, tổ chức thực hiện và đóng góp kinh phí giữa UTT với các đối tác nước ngoài theo thỏa thuận bằng văn bản của UTT và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

#### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại nhiệm vụ.
- Cấp quản lý.
- Lĩnh vực KHCN.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Hình thức hợp tác.
- Quốc gia hợp tác.

**c) Kỳ công bố:** Năm.

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **2. Số đoàn ra về khoa học và công nghệ**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

Đoàn ra về KHCN (Đoàn ra) là đoàn hoặc cá nhân cán bộ, giảng viên thuộc UTT được cử đi công tác nước ngoài để nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo về KHCN hoặc giải quyết công việc liên quan đến hoạt động KHCN.

Số đoàn ra được tính theo số đoàn được cử ra nước ngoài nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo hoặc giải quyết công việc liên quan đến hoạt động KHCN bằng một quyết định hành chính của người có thẩm quyền.

### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại nhiệm vụ.
- Cấp quản lý.
- Lĩnh vực KHCN.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Hình thức hợp tác.
- Quốc gia hợp tác.
- Kinh phí.
- Nguồn cấp kinh phí.

**c) Kỳ công bố:** Năm.

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **3. Số đoàn vào về khoa học và công nghệ**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

Đoàn vào về KHCN (Đoàn vào) là đoàn của cơ quan, tổ chức nước ngoài và cá nhân mang quốc tịch nước ngoài đến UTT nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo hoặc giải quyết công việc liên quan đến hoạt động KHCN với UTT.

Đoàn vào là một lần đoàn quốc tế được mời vào nghiên cứu, khảo sát, dự hội nghị/hội thảo về KHCN tại UTT.

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại nhiệm vụ.
- Cấp quản lý.
- Lĩnh vực KHCN.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Hình thức hợp tác.
- Quốc gia hợp tác.
- Kinh phí.
- Nguồn cấp kinh phí.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

**IV. CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

**1. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Đăng ký chuyển giao công nghệ* là việc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về KHCN đối với Hợp đồng chuyển giao công nghệ độc lập hoặc phần chuyển giao công nghệ của dự án đầu tư, góp vốn bằng công nghệ, nhượng quyền thương mại, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, mua, bán máy móc, thiết bị kèm với đối tượng công nghệ chuyển giao hoặc chuyển giao công nghệ bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau:

- Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào UTT
- Chuyển giao công nghệ từ UTT ra nước ngoài.
- Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký chuyển giao công nghệ là Bộ Khoa học và Công nghệ và Sở Khoa học và Công nghệ.

*Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ* là việc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển giao công nghệ đối với công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. Việc cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ thực hiện theo trình tự hai bước gồm:

- Chấp thuận chuyển giao công nghệ (Đối với chuyển giao công nghệ của dự án đầu tư đã được thẩm định, lấy ý kiến công nghệ trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư thì không phải chấp thuận chuyển giao công nghệ).

- Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ.

Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ là Bộ Khoa học và Công nghệ.

**b) Phân tổ chức**

- Hình thức chuyển giao.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Ngành kinh tế.
- Loại hình kinh tế.
- Quốc gia chuyển giao.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

**2. Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện* là số hợp đồng đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về KHCN, trừ công nghệ hạn chế chuyển giao đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, bao gồm:

- Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào UTT
- Chuyển giao công nghệ từ UTT ra nước ngoài.
- Chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN.

**b) Phân tổ chức**

- Hình thức chuyển giao.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Ngành kinh tế.
- Loại hình kinh tế.
- Quốc gia chuyển giao.

c) Kỳ công bố: Năm.

d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT

- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

### 3. Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ

a) Khái niệm, phương pháp tính

Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ là tổng số tiền được ghi trong các hợp đồng chuyển giao công nghệ.

b) Phân tổ chủ yếu

- Hình thức chuyển giao.

- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT.

- Ngành kinh tế.

- Loại hình kinh tế.

- Quốc gia chuyển giao.

- Kinh phí.

- Nguồn cấp kinh phí.

c) Kỳ công bố: Năm.

d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT

- Đơn vị phối hợp: Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## V. SỞ HỮU TRÍ TUỆ

### 1. Số đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam

a) Khái niệm, phương pháp tính

*Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn (sau đây gọi là thiết kế bố trí), nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

*Đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam* là đơn do tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp tại UTT nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.

b) Phân tổ chủ yếu

- Loại hình đơn (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu...).

- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

**c) Kỳ công bố:** Năm.

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT

- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **2. Sổ văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp tại Việt Nam**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp tại Việt Nam* là văn bản do Cục Sở hữu trí tuệ cấp cho tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.

Văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp gồm:

- Bằng độc quyền sáng chế.
- Bằng độc quyền giải pháp hữu ích.
- Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.
- Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn.
- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.
- Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý.

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại hình văn bằng (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu...).

- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

**c) Kỳ công bố:** Năm.

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT

- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **3. Sổ đơn đăng ký quốc tế đối tượng sở hữu công nghiệp của tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Đơn đăng ký quốc tế đối tượng sở hữu công nghiệp của tổ chức, cá nhân trực thuộc VTTU* là đơn do tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT nộp thông qua Cục Sở hữu trí tuệ nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp tại ít nhất một quốc gia ngoài Việt Nam.

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại hình đơn (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu...).
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCHN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

**4. Số hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đã đăng ký**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp* bao gồm chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp và chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

*Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp* là việc chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản.

*Chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp* là việc chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thuộc phạm vi quyền sử dụng của mình. Việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản.

*Số hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đã đăng ký* là số lượng các hợp đồng hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về KHCHN có thẩm quyền.

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại hình đơn (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu...).
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT.
- Ngành kinh tế.
- Loại hình kinh tế.
- Quốc tịch bên giao, bên nhận.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCHN-HTQT.
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

**VI. CÔNG BỐ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

## **1. Số bài báo công bố trên tạp chí khoa học và công nghệ trong nước**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Bài báo công bố trên tạp chí KHCN trong nước* là bài báo đăng tải kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được công bố trên các tạp chí KHCN trong nước mà có ít nhất một trong số các tác giả là tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT

### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại tạp chí (ISSN; ISI; Scopus).
- Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm.
- Lĩnh vực KHCN.
- Tác giả/đồng tác giả.

### **c) Kỳ công bố: Năm.**

### **d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **2. Số bài báo công bố trên tạp chí khoa học và công nghệ nước ngoài**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Bài báo công bố trên tạp chí KHCN nước ngoài* là bài báo đăng tải kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được công bố trên các tạp chí KHCN nước ngoài mà có ít nhất một trong số các tác giả là tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT.

### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại tạp chí (ISSN; ISI; Scopus).
- Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm.
- Lĩnh vực KHCN.
- Tác giả/đồng tác giả.

### **c) Kỳ công bố: Năm.**

### **d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT



### **3. Số bài báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo khoa học trong, ngoài nước**

#### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Bài báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo khoa học* là bài báo cáo khoa học được chọn để đăng trong các kỷ yếu của Hội nghị, Hội thảo Khoa học mà có ít nhất một trong số các tác giả là tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT.

#### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Loại Hội nghị/Hội thảo.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Lĩnh vực KH-CN.
- Tác giả/đồng tác giả.

#### **c) Kỳ công bố: Năm.**

#### **d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KH-CN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

### **4. Số giáo trình đã xuất bản**

#### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Giáo trình đã xuất bản* là những tài liệu phục vụ cho việc giảng dạy, chuẩn bị bài giảng của giảng viên và học tập của sinh viên đối với các môn học có trong chương trình đào tạo được xuất bản thông qua các nhà xuất bản mà có ít nhất một trong số các tác giả là tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT.

#### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Có hay không có mã ISBN.
- Tác giả/đồng tác giả.

#### **c) Kỳ công bố: Năm.**

#### **d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KH-CN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **5. Sổ sách tham khảo đã xuất bản**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Sách tham khảo* là học liệu có nội dung mở rộng, liên quan đến môn học, đến chương trình đào tạo được xuất bản thông qua các nhà xuất bản mà có ít nhất một trong số các tác giả là tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT.

### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Có hay không có mã ISBN.
- Tác giả/đồng tác giả.

### **c) Kỳ công bố: Năm.**

### **d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **6. Sổ sách chuyên khảo đã xuất bản**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Sách chuyên khảo* là kết quả nghiên cứu sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề của tác giả, được sử dụng để giảng dạy đại học, sau đại học và dùng để tra cứu được xuất bản thông qua các nhà xuất bản mà có ít nhất một trong số các tác giả là tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT.

### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Có hay không có mã ISBN.
- Tác giả/đồng tác giả.

### **c) Kỳ công bố: Năm.**

### **d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **7. Số lượng các công bố khoa học trung bình 1 năm của cán bộ khoa học công nghệ**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

Số lượng các công bố khoa học trung bình 1 năm của cán bộ khoa học công nghệ (Y) là tất cả công bố khoa học bao gồm bài báo khoa học, báo cáo khoa học tại các Hội nghị, Hội thảo, giáo trình, sách tham khảo và sách chuyên khảo được công bố hoặc được xuất bản thông qua các nhà xuất bản mà có ít nhất một trong số các tác giả

là tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT (i) chia cho số lượng các cán bộ khoa học công nghệ của UTT tính tại ngày 31/12 của năm nghiên cứu (j).

$$\text{Công thức tính: } Y = \frac{i}{j}$$

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT
- Loại công bố (Sách/báo...).
- Quốc gia/quốc tế.

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT.
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **VII. THU CHI TỪ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **1. Chi cho các hoạt động khoa học và công nghệ**

**a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Chi cho KHCN* là tổng chi tiêu trong một thời kỳ nhất định, bao gồm cả các chi tiêu cho KHCN (hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ KHCN, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển KHCN) phát sinh tại UTT từ tất cả các nguồn (chi tiêu bên trong), nhưng loại trừ chi phí cho KHCN do tổ chức, cá nhân trực thuộc UTT đầu tư ở ngoài lãnh thổ Việt Nam (chi tiêu bên ngoài).

Tổng chi cho KHCN của UTT được tính bằng cách cộng các khoản chi tiêu bên trong của các đối tượng thực hiện chi cho hoạt động KHCN gồm nguồn ngân sách của UTT với các nguồn ngân sách bên ngoài UTT (kể cả của nước ngoài).

**b) Phân tổ chủ yếu**

- Kinh phí.
- Nguồn cấp kinh phí.
- Khoản chi.
- Lĩnh vực KHCN.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

**c) Kỳ công bố: Năm.**

**d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT.

- Đơn vị phối hợp: Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

## **2. Thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ**

### **a) Khái niệm, phương pháp tính**

*Thu từ KHCN* là tổng thu trong một thời kỳ nhất định, bao gồm cả các thu từ thương mại hoá các kết quả, sản phẩm của hoạt động KHCN phát sinh tại UTT từ tất cả các nguồn.

### **b) Phân tổ chủ yếu**

- Nguồn thu.
- Khoản thu.
- Lĩnh vực KHCN.
- Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT

### **c) Kỳ công bố: Năm.**

### **d) Đơn vị chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Đơn vị chủ trì: Phòng KHCN-HTQT
- Đơn vị phối hợp: Các Khoa/Phòng/Viện/Trung tâm/CSĐT